

Bản án số: 2156/2023/LĐ-ST

Ngày: 30-10-2023

V/v “tranh chấp về trường hợp bị
đơn phương chấm dứt hợp đồng lao
động”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hoàng Tuấn

2. Ông Trần Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Khang, Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 220/2021/TLST-LĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021, về tranh chấp: “Trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 581/2023/QĐXXST-LĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 481/2023/QĐST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thái Yến T, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: 440/107 Thống Nhất, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lữ Ngọc K, bà Nguyễn Y B – Đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số công chứng: 011801, quyền số 10/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/10/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Kim Chi, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Milensea R

Địa chỉ: Phòng 17.01, Tầng 17 khu văn phòng, Tòa nhà Pearl Plaza, số 561A Điện Biên Phủ, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Phương T – Đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 01/2022-POA, ngày 21/02/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn là bà Nguyễn Thái Yến T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau:

Bà và Công ty TNHH Milensea R có thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn số R133/2019-HĐLĐ ngày 30/8/2019, chức danh trưởng

phòng nhân sự. Vào tháng 11/2019, người đại diện theo pháp luật là ông S thông báo trực tiếp với bà là Công ty đã tuyển người mới thay thế vị trí của bà đang đảm nhiệm, đồng thời ông S trao đổi về việc bà chuyển sang làm trợ lý cho người mới và cam kết không thay đổi các chế độ mà bà đang hưởng.

14/12/2019, Công ty chuyển toàn bộ văn phòng từ Quận 1 sang quận Bình Thạnh thì bà bị chỉ định phải ở lại văn phòng cũ (Quận 1) một mình. Tại đây các thiết bị, công cụ làm việc văn phòng đã tháo dỡ chỉ còn lại máy tính, tuy vậy bà vẫn phải thực hiện việc báo cáo công việc và điểm danh mỗi ngày. Ngày 03/02/2020, ông S nhắn tin và yêu cầu gấp đề trao đổi, ông S muốn bà nộp đơn xin nghỉ việc nhưng bà không đồng ý.

Ông S có lời lẽ xúc phạm, bà đưa ra yêu cầu chỉ xin nghỉ việc với điều kiện Công ty phải bồi thường 03 tháng tiền lương. Ngay lúc đó, ông S sa thải bà và đuổi khỏi công ty, buộc bà dọn đồ đạc và trả lại chìa khóa mà không thực hiện bất cứ thủ tục nào liên quan đến sa thải.

Cho đến nay công ty không có bất cứ liên lạc và giao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, bà cho rằng Công ty không ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó, bà cũng không thực hiện được các thủ tục để nhận tiền trợ cấp thất nghiệp, bảo hiểm làm ảnh hưởng đến cuộc sống.

Bà xác định ngày làm việc cuối cùng tại công ty TNHH Milensea R là ngày 03/02/2020, cùng ngày bà đã ký biên bản bàn giao toàn bộ các thiết bị văn phòng mà bà phụ trách; Nhận sổ bảo hiểm xã hội từ nhân viên công ty vào cuối tháng 4 năm 2020.

Bà nhận thấy hành vi của Công ty TNHH Milensea R là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, nên yêu cầu phải bồi thường cho bà các khoản như sau:

1. Thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc :
 $20.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng (từ 03/02/2020 đến 03/01/2021)} = 220.000.000 \text{ đồng}.$
2. Bồi thường 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động: $20.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 40.000.000 \text{ đồng}.$
3. Bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước theo quy định tại khoản 5 Điều 42 Bộ luật lao động: $16.000.000 \text{ đồng} \times 45 \text{ ngày} = 24.000.000 \text{ đồng}.$
4. Bồi thường 7 tháng tiền trợ cấp thất nghiệp:
 $((13.000.000 \text{ đồng} \times 1 \text{ tháng} + 16.000.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ tháng}) / 6 \times 60\%) \times 7 \text{ tháng} = 65.100.000 \text{ đồng}.$
5. Công ty TNHH Milensea R phải đóng bảo hiểm xã hội trong những ngày không được làm việc theo quy định từ 03/02/2020: $16.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ (từ 03/02/2020 đến 03/01/2021) tháng} \times 21.5\% = 37.840.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng: 386.940.000 đồng, đồng thời nguyên đơn không muốn trở lại làm việc tại Công ty theo hợp đồng lao động đã giao kết.

Bị đơn có đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Phương T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Công ty TNHH Milensea R và bà Nguyễn Thái Yến T có thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động số: R133/2019-HĐLĐ ngày 30/8/2019 không xác định thời hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, kết quả làm việc của bà T không đáp ứng yêu cầu vị trí trưởng phòng nhân sự. Do đó, Công ty đã tuyển dụng 01 trưởng phòng nhân sự mới và đề xuất bà T giữ chức trợ lý trưởng phòng nhân sự. Các chế độ liên quan, lợi ích vẫn giữ nguyên theo hợp đồng lao động. Tuy nhiên, bà T không đồng ý và qua trao đổi bà T muốn nghỉ việc.

Vào ngày 06/01/2020, bà T nhắn tin cho quản lý trực tiếp và ông S về việc yêu cầu ký đơn xin nghỉ phép và nghỉ việc trước tháng 2/2020.

14/12/2019, Công ty di dời văn phòng từ Quận 1 sang quận Bình Thạnh. Do hợp đồng thuê văn phòng cũ (Quận 1) có thời hạn đến 16/4/2020 nên cần nhân sự ở lại quản lý văn phòng cũ. Bà T đang trong thời gian bàn giao công việc để nghỉ việc, không phát sinh nghiệp vụ chuyên môn nên Công ty bố trí bà T túc trực tại văn phòng cũ. Đây là sự phân công do tính chất công việc, không tạo sự cô lập như đánh giá của bà T.

Ngày 03/02/2020, bà T tới văn phòng công ty khẳng định công ty đã sa thải bà, bà yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương. Công ty không đồng thuận vì công ty không có ý chí hay hành vi sa thải bà T.

Kể từ ngày 03/02/2020 bà T không tới công ty làm việc, không thông báo xin nghỉ phép hoặc nghỉ ốm, không viết đơn xin nghỉ việc. Tuy nhiên, qua các thư điện tử và tin nhắn, bà T đều xác nhận là nhân sự cũ và xác nhận ngày làm việc cuối cùng tại công ty là 03/02/2020.

Công ty thông cảm và tôn trọng quyết định của bà T nên không xử lý kỷ luật đối với hành vi tự ý bỏ việc của bà T. Công ty chúng tôi không phát hành bất cứ văn bản nào về việc sa thải, không có hồ sơ kỷ luật sa thải đối với bà T.

Đối với văn bản số: 787/2023/QĐ-CCTLCC ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Công ty xác định quan hệ lao động giữa Công ty và bà T chấm dứt từ ngày 03/02/2020, tuy nhiên công ty không còn lưu giữ quyết định chấm dứt hợp đồng lao động cũng như các tài liệu liên quan nên không rõ căn cứ chấm dứt quan hệ lao động.

Về quyền lợi của bà T, tổng thời gian làm việc của bà tại Công ty là 07 tháng 03 ngày, Công ty đã chi trả như sau:

- + Thanh toán toàn bộ tiền lương cho bà T đến ngày 03/02/2020;
- + Công ty đã hoàn tất thủ tục xác nhận thời gian đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đến hết tháng 02/2020 và gửi trả sổ qua đường bưu điện.
- + Quyết định thanh lý hợp đồng đã gửi lên cơ quan bảo hiểm để tiến hành các thủ tục liên quan đến quy định pháp luật lao động.

Công ty không lưu trữ đơn xin nghỉ việc của nguyên đơn và cũng không nhận được đơn xin nghỉ việc của nguyên đơn.

Công ty xác nhận trình bày của nguyên đơn về lương và tỷ lệ trích đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp là đúng.

Nhận thấy Công ty TNHH Milensea R không có bất cứ văn bản chính thức và hành vi nào thể hiện đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động hay hành vi xúc phạm, gây tổn thất tinh thần đối với bà T. Do đó, Công ty chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thái Yến T vì không có căn cứ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn tham gia phiên tòa và yêu cầu được tự trình bày, tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình mà không yêu cầu người đại diện theo ủy quyền trình bày thay; Người đại diện theo ủy quyền có mặt và đồng ý.

Nguyên đơn vẫn giữ lời trình bày như trên và đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

1. Thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc :
 $20.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng (từ 03/02/2020 đến 03/01/2021)} = 220.000.000 \text{ đồng}.$
2. Bồi thường 02 tháng tiền lương: $20.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 40.000.000 \text{ đồng}.$
3. Bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước : $16.000.000 \text{ đồng} \times 45 \text{ ngày} = 24.000.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng: 284.000.000 đồng.

Đồng thời bà T xác định không có quyết định thanh lý hợp đồng lao động, không nhận được bảy kỳ thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định chấm dứt hợp đồng lao động từ Công ty Milensea R cho đến thời điểm hiện nay; Bà không muốn quay trở lại làm việc, yêu cầu Công ty bồi thường 284.000.000 đồng ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn có đại diện hợp pháp là bà Trần Thị Phương T vẫn giữ lời trình bày nêu trên; Đồng thời khẳng định Công ty không có hành vi hay ý chí sa thải bà T, không có quyết định thanh lý hợp đồng lao động, không thông báo chấm dứt và quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Vào ngày 03/02/2020, giữa nguyên đơn và người đại diện theo pháp luật xảy ra tranh chấp, mâu thuẫn về ngôn ngữ mà không quyết định sa thải bà T. Từ sau ngày 03/02/2020 bà T không đến Công ty làm việc 14 ngày, Công ty không tiến hành xử lý kỷ luật và căn cứ vào việc bà T tự ý nghỉ việc nên thực hiện báo giảm lao động tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội, tuy nhiên Công ty không lưu trữ và giao Quyết định chấm dứt hợp đồng cho bà T. Công ty không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T vì không có căn cứ, Công ty đã thực hiện theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu: Được thể hiện đầy đủ trong bài phát biểu ngày 30 tháng 10 năm 2023.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng tuy nhiên Thẩm phán chưa thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ hợp đồng lao động R133/2019-HĐLĐ ngày 30/8/2019 ; Căn cứ vào các Điều 16, 17, 22, 23, 25 của Bộ luật Lao động 2012 thì Hợp đồng lao động này có thật và hợp pháp. Các bên đương sự thống nhất ngày làm việc cuối cùng vào 03/02/2020, nguyên đơn không có đơn xin nghỉ việc, bị đơn không có hồ sơ xử lý kỷ luật lao động. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ tại cơ quan Bảo hiểm xã hội, theo đó bị đơn đã thực hiện báo giảm nghỉ việc đối với người lao động bà Nguyễn Thái Yên T tuy nhiên không chứng minh được căn cứ và cơ sở báo giảm nghỉ việc, điều này cho thấy bị đơn thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động không theo quy định tại Điều 36, 38, 41 của Bộ luật lao động 2012, đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí DSST bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn có trụ sở tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về việc tham gia phiên tòa xét xử vụ án và có mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút, bao gồm:

- Bồi thường 7 tháng tiền trợ cấp thất nghiệp:

$$((13.000.000 \text{ đồng} \times 1 \text{ tháng} + 16.000.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ tháng})/6 \times 60\%) \times 7 \text{ tháng} = 65.100.000 \text{ đồng}.$$

- Công ty TNHH Milensea R phải đóng bảo hiểm xã hội trong những ngày không được làm việc theo quy định từ 03/02/2020: $16.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ (từ 03/02/2020 đến 03/01/2021) tháng} \times 21.5\% = 37.840.000 \text{ đồng}.$

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.*

Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ vào hợp đồng lao động số : R133/2019-HĐLĐ ngày 30/8/2019 được giao kết giữa Công ty TNHH Milensea R và bà Nguyễn Thái Yên T, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án đều xác nhận quan hệ lao động giữa các bên được xác lập trên cơ sở giao kết hợp đồng này, và căn cứ vào quy định tại các điều 16, 17, 22, 23, 25 của Bộ luật Lao động 2012 thì Hợp đồng lao động này có thật và hợp pháp.

Theo đó, giữa Công ty TNHH Milensea R và bà Nguyễn Thái Yên T đã thỏa thuận giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn kể từ ngày 01/9/2019 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 của Bộ luật Lao động 2012.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên đương sự đều thống nhất xác định các nội dung sau: Ngày làm việc cuối cùng của bà T là 03/02/2020, bà T không có đơn xin nghỉ việc, Công ty không xử lý kỷ luật đối với bà T.

Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đối với Cơ quan Bảo hiểm xã hội quận Bình Thạnh, Cơ quan bảo hiểm xã hội Quận 1 về quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thái Yên T trong thời gian làm việc tại Công ty TNHH Milensea R. Theo đó, Công ty TNHH Milensea R đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp (viết tắt là BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN) cho bà T từ tháng 9/2019 đến tháng 01/2020 với mức đóng 16.000.000 đồng, chức danh trưởng phòng nhân sự; Ngày 26/02/2020

Công ty TNHH Milensea R thực hiện báo giảm nghỉ việc cho bà Nguyễn Thái Yên T từ tháng 02/2020 theo hồ sơ điện tử số 36218/2020/07901. Từ thời điểm Công ty TNHH Milensea R chuyển về quận Bình Thạnh đến nay không có đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTNLD-BNN cho bà T. Tòa án đã ban hành Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ ngày 12/5/2023 đối với Công ty TNHH Milensea R về việc cung cấp toàn bộ hồ sơ liên quan làm cơ sở cho việc báo giảm nghỉ việc tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội tuy nhiên Công ty xác định không còn lưu giữ Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động cũng như các tài liệu liên quan, không rõ căn cứ chấm dứt quan hệ lao động.

Căn cứ quy định tại các Điều 36, 38, 41 của Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ lao động chấm dứt phải dựa trên cơ sở quy định của pháp luật; Người sử dụng lao động là Công ty TNHH Milensea R thực hiện báo giảm nghỉ việc tại cơ quan Bảo hiểm xã hội đối với người lao động là bà Nguyễn Thái Yên T nhưng không chứng minh được căn cứ chấm dứt hợp đồng lao động và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ làm cơ sở cho việc chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật. Trong khi đó, bà T khẳng định không có đơn xin nghỉ việc, không nhận được quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, không được đến nơi làm việc vì phải bàn giao toàn bộ công việc, thiết bị cho công ty. Mặt khác, trong các buổi làm việc tại Tòa án, đại diện của Công ty xác nhận không lưu trữ đơn xin nghỉ việc của bà T và cũng không nhận được đơn xin nghỉ việc của bà, đồng thời không có hồ sơ xử lý kỷ luật, hay văn bản có nội dung sa thải. Quyền và lợi ích của bà T được Công ty giải quyết đến ngày 03/02/2020. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy Công ty TNHH Milensea R chấm dứt hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thái Yên T không đúng quy định của pháp luật, là đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thái Yên T. Nên yêu cầu bồi thường của bà T là có cơ sở để xem xét. Cụ thể như sau:

1. Thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc :
 $20.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng (từ 03/02/2020 đến 03/01/2021)} = 220.000.000 \text{ đồng}.$
 2. Bồi thường 02 tháng tiền lương : $20.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 40.000.000 \text{ đồng}.$
 3. Bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước theo quy định: $16.000.000 \text{ đồng} \times 45 \text{ ngày} = 24.000.000 \text{ đồng}.$
- Tổng cộng: 284.000.000 đồng

Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 5 Điều 42 của Bộ luật lao động, căn cứ vào hợp đồng lao động ngày 30/8/2019 thì những yêu cầu này của nguyên đơn đúng quy định pháp luật và có cơ sở để chấp nhận; Ghi nhận việc bà T không muốn tiếp tục làm việc tại Công ty TNHH Milensea R.

[3.2] *Đối với lời trình bày của bị đơn:* Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn Công ty TNHH Milensea R xác định không có ý chí hay hành vi sa thải người lao động bà Nguyễn Thái Yên T, không có hồ sơ xử lý kỷ luật sa thải, không lưu trữ đơn xin nghỉ việc và không nhận được đơn xin nghỉ việc. Đồng thời Công ty cũng xác nhận quan hệ lao động giữa Công ty và bà T chấm dứt vào ngày 03/02/2020, nhưng không lưu trữ Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và không giao cho người lao động.

Như đã phân tích phần [3.1], việc chấm dứt quan hệ lao động phải dựa trên căn cứ theo quy định của pháp luật về Lao động; Theo đó, Công ty xác nhận đã chấm dứt

quan hệ lao động với bà T nhưng không chứng minh được căn cứ hợp pháp theo quy định tại Điều 36, Điều 38 của Bộ luật Lao động. Tại phiên tòa, đại diện của Công ty cho rằng từ sau ngày 03/02/2020 bà T không đến Công ty làm việc 14 ngày là hành vi tự ý nghỉ việc nên Công ty thực hiện việc báo giảm lao động. Hội đồng xét xử căn cứ vào hợp đồng lao động ngày 30/8/2019, địa điểm nơi làm việc của người lao động tại văn phòng Công ty, theo như hợp đồng thì địa chỉ trụ sở và văn phòng làm việc tại tầng 9, tòa nhà Rosana, số 60 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 03/02/2023 giữa bà T và bà Lê Thị Phương Phương mà bị đơn xác nhận là nhân viên của Công ty đã thực hiện việc giao nhận : “Máy tính bàn, chìa khóa văn phòng”. Do đó, việc nguyên đơn trình bày không thể quay về văn phòng Công ty do không có chìa khóa là có căn cứ; Mặt khác bị đơn xác định bà T tự ý nghỉ việc nhưng không chứng minh được lỗi của người lao động và không thực hiện trình tự xử lý kỷ luật lao động theo đúng quy định của pháp luật thể hiện qua việc Công ty xác định không có hồ sơ xử lý kỷ luật đối với bà T cho nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét lời trình bày này của bị đơn.

Hành vi của Công ty đăng ký báo giảm nghỉ việc cho bà T tại cơ quan bảo hiểm xã hội là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, không thông báo trước và cũng không giao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

Từ những lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Về án phí:

Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể:

$284.000.000 \text{ đồng} \times 3\% = 8.520.000 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 1 Điều 91, Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các điều 16, 17, 22, 23, 25, 36, 38, 41, 42 của Bộ luật Lao động 2012 ;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thái Yến T.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Milensea R phải thanh toán cho bà Nguyễn Thái Yến T những khoản tiền sau:

- Thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc :

$20.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng (từ 03/02/2020 đến 03/01/2021)} = 220.000.000 \text{ đồng}.$

- Bồi thường 02 tháng tiền lương: 20.000.000 đồng x 02 tháng = 40.000.000 đồng.

- Bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước: 16.000.000 đồng x 45 ngày = 24.000.000 đồng.

Tổng cộng: 284.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi bốn triệu đồng)

Trả làm một lần sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bị đơn chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Thi hành tại Chi cục thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí lao động sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí DDST đối với tranh chấp về lao động có giá ngạch là: 8.520.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc An